

ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG TÂN ĐỊNH



Biểu số 113/CK TC-NSNN

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH PHƯỜNG TÂN ĐỊNH QUÝ 4 NĂM 2025

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ 4 NĂM 2025	SỐ SÁNH (%)
A	B	1	2	3=2/1
I	TỔNG SỐ THU	265.497	138.942	52,3%
1	Các khoản thu xã hưởng 100%	4.900	4.633	94,6%
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ ⁽¹⁾	8.575	14.437	168,4%
3	Thu bổ sung	252.022	117.763	46,7%
4	Thu chuyển nguồn		2.109	
II	TỔNG SỐ CHI	265.497	120.959	45,6%
1	Chi đầu tư phát triển			
2	Chi thường xuyên	255.449	120.959	47,4%
3	Dự phòng	10.048		

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH PHƯỜNG TÂN ĐỊNH QUÝ 4 NĂM 2025

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ 4 NĂM 2025		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NS PHƯỜNG	THU NSNN	THU NS PHƯỜNG	THU NSNN	THU NS PHƯỜNG
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU	18.015	265.497	123.517	138.942	685,63%	52,33%
I	Các khoản thu 100%	5.765	4.900	102.893	4.633	1784,79%	94,55%
	Phí, lệ phí	525		9.637	137	1835,62%	
	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác						
	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định						
	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	4.000	4.000	3.418	3.418	85,45%	85,45%
	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	900	900	14.841	741	1649,00%	82,33%
	Thu khác	340		74.997	337	22057,94%	
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	12.250	8.575	20.624	14.437	168,36%	168,36%
1	Các khoản thu phân chia	12.250	8.575	20.624	14.437	168,36%	168,36%
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh						
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất	12.250	8.575	20.624	14.437	168,36%	168,36%
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định						
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn				2.109		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước						
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	-	252.022	-	117.763		



ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG TÂN ĐỊNH QUÝ 4 NĂM 2025

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025			ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ 4 NĂM 2025			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI	265.497	-	265.497	120.959	-	120.959	45,6%	-	45,6%
	Trong đó	-			-					
1	Chi giáo dục	152.270		152.270	49.860		49.860	32,7%		32,7%
2	Chi an ninh	7.878		7.878	2.657		2.657	33,7%		33,7%
3	Chi quốc phòng	10.979		10.979	8.332		8.332	75,9%		75,9%
4	Chi y tế, dân số và gia đình	8.436		8.436	6.691		6.691	79,3%		79,3%
5	Chi văn hóa, thông tin	1.226		1.226	1.003		1.003	81,8%		81,8%
6	Chi phát thanh, truyền thanh	-			-					
7	Chi thể dục thể thao	111		111	87		87	78,4%		78,4%
8	Chi bảo vệ môi trường	1.264		1.264	120		120	9,5%		9,5%
9	Chi các hoạt động kinh tế	914		914	692		692	75,7%		75,7%
10	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	64.884		64.884	49.220		49.220	75,9%		75,9%
11	Chi cho công tác xã hội	6.237		6.237	2.297		2.297	36,8%		36,8%
12	Chi khác	1.250		1.250	-					
13	Dự phòng ngân sách	10.048		10.048	-			0,0%		0,0%

Thuyết minh:

- Ước thực hiện chi ngân sách phường Tân Định quý 4/2025 là 120.959 triệu đồng; đạt 45,6% so với dự toán (120.959/265.497 triệu đồng)

Trong đó:

- Chi giáo dục: 49.860 triệu đồng; đạt 32,7% so với dự toán (49.860/152.270 triệu đồng) gồm chi lương, các khoản phụ cấp theo lương, các khoản đóng góp theo quy định của các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập thuộc phường; chi các chế độ, chính sách, hoạt động của ngành giáo dục...

- Chi quản lý nhà nước, Đảng, Đoàn thể: 49.220 triệu đồng; đạt 75,9% so với dự toán (49.220/64.884 triệu đồng) gồm chi lương, các khoản phụ cấp theo lương, các khoản đóng góp theo quy định của cán bộ, công chức Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phường, Văn phòng Đảng ủy phường; UBMT Tộc quốc Việt Nam phường; các hoạt động quản lý nhà nước, Đảng, Đoàn thể...

- Chi quốc phòng: 8.332 triệu đồng; đạt 75,9% so với dự toán (8.332/10.979 triệu đồng) gồm chi lương, các khoản phụ cấp theo lương, các khoản đóng góp theo quy định của công chức Ban chỉ huy Quân sự phường, hoạt động quốc phòng và chế độ của lực lượng dân quân.

